Khảm truyền thần "MỸ-CHƯƠNG"

Nguyễn - văn - Phú

Một nhà kỹ nghệ chuyên môn khảm truyền thần, nhỏ từ hình mặt nhẫn giây chuyền, lập-lác, nhớn đến ảnh để chơi kỷ niệm, để thờ.

nền gỗ, nền đồng, nền đá,
rất giống, rất đẹp, rất bền

Và các đồ khảm mỹ-thuật trang hoàng trong nhà; thật là nghệ thuật kỳ sảo không nước nào làm được, có bày tại

QUẢNG VẠN THÀNH

Buôn toàn nội hóa
Mở năm Bính - dần 1926

16 đường Bà Triệu (cuối hàng giò cũ) Hà-nội.
51 Đại-lộ Hồ - chí - Minh — Hải-phòng.

Đón coi :

BINH CHẾ VIỆT-NAM

QUA CÁC THỜI ĐẠI (LƯỢC KHẢO)

của

TIÊN-ĐÀM NGUYỄN-TƯỜNG-PHƯỢNG

DO XUẤT BẢN CỤC :
12, phố Ôn - như - Hầu — Hà-nội

NGƯỜI NGHIỆN SÀNH ĐỀU DÙNG XÌ-GÀ:

EROS

VIRGINA

Xì-gà thơm nhẹ hơn hết (êm giọng và hút rất thông)

BÁN BUÔN TẠI

PHÚC-LAI

87, PHỐ DUY-TÂN — HÀ-NỘI — ĐIỆN THOẠI 974

TRI-TÂN TẠP-CHÍ 95-97 PHỐ BÙI-QUANG TRINH
(Chanceaulme cũ), Hà-nội

Chủ-nhiệm kiêm Quản-lý:
NGUYỄN-TƯỜNG-PHƯỢNG

Nhà in riêng của
TẠP-CHÍ TRI-TÂN

Giá 8 đ.

TẠP CHÍ VĂN-HOA

NĂM THỨ SÁU
LOẠI MỚI
SỐ
2

新知識誌

VIỆT-NAM DÂN-CHỦ NĂM THỨ HAI

TRI TÂN

NGÀY 16 THÁNG BẢY DƯƠNG LỊCH 1946

LƯU CHIỂU VĂN HÓA VIỆN
S. E.1279
C 912

LADEPÊCHE COLONIALE ILLUSTRÉE

PHAN-THANH-GIẢN khi còn trẻ
Rút ở quyển Vĩnh Long Nhân Vật Chí in năm 1925

KHẢI SỰ

Trong số đặc-san « **NAM-BỘ, ĐẤT VIỆT-NAM** », ngoài bìa và trang đầu in năm-thứ năm, loại mới số 1, xin bạn đọc làm ơn chữa dùm lại là năm thứ sáu cho đúng.

Bản chí xuất bản số 1 từ ngày 3 tháng 6 dương lịch năm 1941, đến số 212 ngày 22 tháng 11 dương lịch Việt-Nam dân-chủ cộng-hòa năm thứ nhất (1945) tức là loại cũ.

Từ nay, tái bản, thuộc về *loại mới* xin bắt đầu đánh số 1 gọi để kỷ niệm cuộc hoàn toàn đổi mới của nước Việt-Nam nhà.

Ngày trước, còn bị đô hộ, thì *TRI-TÂN* để cách-mệnh; ngày nay đã độc-lập, thì *TRI-TÂN* để kiến-thiết.

Nguyên tắc trước sau vẫn thế, duy chi tiết có khác để theo sát với phong trào dân chủ; nên hình thức, thể tài, từ nay cũng có sửa đổi.

Vậy mong bạn đọc vui lòng tín nhiệm như trước, và nhất là hạ cố chỉ giáo cho những chỗ sơ khuyết để bản-chí biết mà sửa chữa theo ý muốn của đồng-bào.

Nay kính cáo
TRI-TÂN

XIN CHÚ Ý:

Muốn giúp một chút tiện ích cho đồng bào thân mến chúng tôi xin mở ra mục « **Tin cần** » để đăng những hạng tin sau này không lấy tiền:

1) — Trẻ con chơi lạc.
2) — Tìm công việc làm.
3) — Sáng chế được thứ hàng hóa gì mới lạ.
4) — Tìm ra được vật sản gì giúp ích cho nền kỹ nghệ.

Vậy ngài nào có việc xin mời tới, hay viết thư lại tòa báo, bất cứ lúc nào cũng có người thường-trực đón tiếp.

TRI TÂN
95, 97 phố Bùi quang-Trinh
(Chanceaulme cũ)
HÀ-NỘI

TRI-TÂN TẠP-CHÍ

NĂM THỨ SÁU — LOẠI MỚI SỐ 2

MỤC LỤC

Biết thì sống — *Nghiêm Minh*
Sử bộ Phan-thanh-Giản Phái đàn Phạm-văn-Đồng — *Tiên-Đàm*
Mặc ai muốn nói thế nào ! — *Đinh-Lang*
Sao lại Annamite mà không Vietnamien ? — *Hải-Long*
Tiểu sử các tên phố Hà-nội — *Thi-Nham*
Lược khảo về báo chí — *Minh-Nho*
Sử liệu
Văn liệu

Biết thì sống

của Nghiêm-Minh

Ngạn ngữ ta có câu: **mạnh cũng chết, yếu cũng chết, biết thì sống.**

Ba chữ **biết thì sống**, *hàm cả ý nghĩa triết-lý và tâm-lý cuộc sinh tồn của nhân loại.*

Các cụ tu xưa, ưa thuần phác đơn giản, chẳng xướng-minh thuyết này, thuyết nọ, cũng chẳng đề khởi chủ nghĩa này, chủ nghĩa khác, chỉ biểu diễn tư tưởng. giải thích tâm-lý, giảng cứu triết-học bằng những câu ca-dao-ngạn-ngữ rất ngắn, chứa chan ý vị, thấm thía vào trí não. Nếu ai chịu khó để ý từng câu từng chữ, mới hiểu thấu đấy là những bài học rất thấm thúy, rất cao siêu.

Biết thì sống.

Biết thật là dễ, mà cũng thật là khó.

Biết, là biết phân biệt, biết suy xét ; biết lúc nào mềm mà nắn, biết lúc nào dằn mà buông biết cái gì là hay mà khen, biết cái gì là hèn mà chê, biết thế nào là lẽ thuận, lẽ nghịch, biết thế nào là lý chính, lý tà.

Vì, việc đời rất khó, rất phức tạp. Có khi cái này ở đây hay, ra chỗ khác hóa hèn, lúc này là thuận, đến lúc khác là nghịch, nói này là chính, nói khác là tà. Những cái hay, hèn, thuận, nghịch, chính, tà, tuy Tạo-hóa đã định rõ, nhưng người đời, lại theo cảnh ngộ, quyền lợi, sức lực mà định đoạt lấy. Tây-ngạn có câu : La raison du plus fort est la meilleure (lý của kẻ mạnh là hơn hết). Câu đó đủ tỏ lý

chính của Tạo-hóa đã bị người đời xuyên-tạc đi nhiều.

Thế, cho nên, xưa nay, biết bao dân tộc cậy mạnh, nuôi lòng tham, làm những việc bất chính, nhưng, cứu cánh, cũng vẫn bị diệt vong.

Chẳng nói đâu xa, khi mới khởi chiến tranh lần thứ hai này, ở Âu-châu, ai mạnh bằng nước Đức, ở Á-châu ai mạnh bằng người Nhật; thế mà chỉ vì, không biết nhận định cho hợp thời, không biết giữ chủ kiến cho hợp lý, đến nỗi nước Đức 25 năm sửa soạn một lúc bại vong; người Nhật, 70 năm tìm học một buổi tan tành.

Đó là cậy mạnh cũng chết.

Lại bao dân tộc có đủ tư cách sống, mà vì **chia rẽ** *hóa thành nên yếu; yếu rồi bị lý kẻ mạnh, mà phải lầm than.*

Như nhiều dân tộc ở trên thế giới cũng chỉ vì không biết nhận định rõ con đường sống mà bị cai trị, đàn áp, đè nén, bóc lột.

Đó là yếu thì cũng chết.

Đến nhiều dân tộc mạnh không bằng ai, chỉ biết được cái bí quyết sống: chân chính, thành thật, đoàn kết mà tồn tại và thắng lợi.

Kìa dân Trung-Hoa, tuy lớn mà hẳn chưa mạnh, duy chỉ có ý niệm hợp thời, có chủ trương nhân đạo, có tâm hồn bác ái, hiểu biết rõ chính nghĩa, mà ngày nay được vinh quang ngang hàng với các cường quốc.

Đó là biết thì sống vậy.

Lịch-sử nhân loại đã cho ta nhiều bài học, nhất là cuộc chiến tranh thứ hai vừa kết liễu mới đây, chứng thực thêm cho ta rõ ràng sức mạnh vật chất không thắng nổi sức mạnh tinh thần, và lý chính vẫn thắng lý tà.

Nhưng, than ôi! Ở đời, mấy ai chịu nhìn cuộc đời bằng con mắt chân chính và mấy ai chịu theo lý chính là cái lý đương nhiên ai ai cũng biết rằng theo lý đó, thì nhân loại được thái bình, xã hội được yên ổn.

Thế mới rõ một chữ **biết** *có bao nhiêu bí-quyết ở trong mà* **biết được** *cũng phải bao công phu mới thực là* **biết được.**

Ông Khổng-Tử có nói: Biết dễ, làm khó (Tri dị hành nan).

Sau cuộc chiến tranh thứ nhất (1914-1918) hai nhà chính-trị đại danh Kellog, Briand biết rõ thế-giới còn ghen tỵ, vóc lột, lừa đảo, áp chế nhau, thì còn có chiến-tranh, nên hô hào năm 1928 phản đối chiến-tranh để gây hòa bình cho nhân loại, mất bao nhiêu tâm tư, bút mực, mà 12 năm sau lại bùng nổ một cuộc đại-chiến thứ hai rất là ác-liệt gấp trăm nghìn lần xưa

Lại, ngót một năm nay, cuộc tàn sát ghê gớm đã đình mà máu ở Nam dương Ai cập vẫn không ngớt chảy, xương ở Nam-bộ, Mãn châu vẫn không ngớt phơi. Á-đông cũng như Âu-châu, dân gian vẫn chưa hẳn được an cư lạc nghiệp, đến nỗi các nhà chính trị đương thời phải nói: **Gây hòa bình khó hơn gây chiến tranh.**

Thế là biết dễ mà làm khó.

Biết mà làm không được, cái biết đó chưa chắc đã là thực biết.

Đến Tôn văn, một nhà cách mệnh ở Á-đông nói trái lại: Biết khó làm dễ (Tri nan hành dị) có ý nói đã biết được thì làm được.

Chính vậy. Nói xuông, biết thì dễ, nhưng biết được cách thức làm làm sao cho được là một việc không dễ gì.

Từ năm 1918 đến giờ, 28 năm trời, biết bao nhà chính trị muốn tìm biết để chống nạn chiến tranh mà vẫn không biết được. Cố Tổng thống Wilson nước Mỹ xướng khởi Hội Vạn quốc cũng có ý ấy; hai nhà chính trị Mỹ và Pháp Kellog, Briand năm 1928 ký hiệp ước phi chiến Ba-lê (pacte de Paris hay pacte Kellog - Briand) mục đích cũng là gây dựng hòa bình thế giới.

Đến ngay bây giờ đây, cuộc chiến tranh thứ hai đã kết liễu ngay từ 15 tháng 8 năm 1945 trong mười tháng nay, mà quanh quẩn vẫn

chưa xong được vấn đề phi chiến vì hiệp ước hòa bình vẫn chưa ký xong. Thế đủ rõ biết cũng khó lắm vậy. Nếu biết được cách thức, rồi cứ theo thế mà làm thì thật rất dễ; ai chẳng rõ thế. Nhưng khốn nỗi, cách thức làm gì thì còn bảo là dễ dãi, chứ cách thức làm cho lòng người chân chính, cho tình người đỡ tham, thì cũng thật là khó. Nước ta có câu:

Sông sâu còn có kẻ dò
Lòng người nhan hiểm ai đo cho cùng.

Đó là biết khó mà làm dễ.

Lại Vương-dương-Minh, một nhà bác học Trung-Hoa nói: Biết và làm, làm một (Tri hành hợp nhất) Như thế, có lẽ mới là thực biết. Biết thế là hay, chưa đủ: phải biết cách làm thế nào cho hay rồi lại theo cách đó mà thực hành cho được đến nơi đến chốn. thế mới là biết hoàn toàn.

Như Đồng-minh, trong khi giao chiến với phát xít Đức Nhật, xét biết, vì tại các đế quốc mạnh hay xâm chiếm các nước nhỏ yếu làm thuộc địa nên hóa ghen tỵ, mà sinh ra chiến tranh. Muốn triệt từ gốc, Đồng-minh mới tuyên bố cho các tiểu nhược quốc độc lập, bên cùng nhau, ký một bản Hiến-chương Đại tây-dương cam đoan phải ủng hộ các dân tộc nhỏ yếu. Vì thế, nên những nhà chính khách chân chính trong Đồng-minh nhiệt thành gây hạnh phúc cho loài người săn sóc thi hành triệt-để mọi điều trong Hiến-chương và hằng tố cáo những ai đi sai đường lạc lối.

Đó là biết và làm làm một.

Nhưng, ở đời, nếu ai cũng theo chân lý mà làm thế cả, thì cõi đời là cõi tiên; Khổng-Tử đã chả phải nói: **Biết dễ làm khó** *và Tôn-Văn đã chẳng phải thốt:* **Biết khó làm dễ.**

Vì thường thấy trên đường đời, vết xe người trước đổ, mà người sau cũng cứ đi vào.

Thực vậy.

Chưa được một năm tròn, vết thương chiến tranh của bọn thực dân còn rành rọt đó, tội nhân chiến-tranh của nhóm phát-xít còn chưa xử xong; thế mà đường nhiên, dân Nam-dương bị đàn áp một cách vô cùng khủng khiếp, đất Nam-bộ bị xâm lăng một cách vô cùng tàn nhẫn, Tây-ban-nha vẫn hung hăng khiêu khích phái Bảo-thủ vẫn cố chấp khư khư, thì thật là lạ vậy. Vì thế, có người phải than rằng: **Những nhà chính trị không biết lịch sử.**

Mới nghe tưởng là câu nói hàm hồ. Ai đã làm chính trị mà lại không am tường lịch sử, không nhớ thuộc lịch-sử, không rõ biết lịch sử. Nhiều khi ta thấy người trước làm thế sao người sau cũng lại làm thế. Ta ngạc nhiên. Nhưng nghĩ lại cho kỹ, ta hiểu ngay rằng chẳng qua là hoặc họ không muốn biết, hoặc thật họ không biết; vì quyền lợi đảng phái họ hay địa vị dân tộc họ, hay tham vọng riêng nhà họ đã làm mờ tối họ.

Kìa những ai, đang giữa lúc này mà còn ôm chủ nghĩa thực dân như Hà-lan, như Franco thì thật là không muốn biết con đường sống vậy.

Nếu ở đời này, ai cũng biết trọng ý muốn của người, ai cũng biết cái khổ tâm của người, biết cái gì mình không muốn người làm cho mình thì đừng làm cho người như thế, thì làm gì còn có chiến tranh; mà không có chiến tranh thì làm gì còn có tương tàn tương sát.

.·.

Dân tộc Việt-Nam ta, bốn nghìn năm nay, còn tồn tại, đủ tỏ ta đã biết con đường sống nên tuy ta chẳng mạnh được bằng ai, ta chẳng lớn hơn được ai, nhưng vẫn còn ngang nhiên giữa dưới trời Đông-á.

Nay ta lại đương trải qua một quãng đường vô cùng gai góc, nhưng nhờ chí sáng suốt của các nhà lãnh đạo, dân tộc ta vẫn bình tĩnh cương quyết gạt bỏ các chướng ngại phẩm mà tiến hành để tỏ cho thiên hạ biết rằng xưa nay ta chẳng để cho ai lấn, mà ta cũng chẳng hề lấn ai.

Trong thời đại nam châu chung chạ, sáu giống một nhà này, không thể thực hành được cái dã tâm lạc hậu, cá nhớn nuốt cá bé như 66 năm về trước cho nên mặc dầu bọn thực dân hoạt động, ta cứ yên tĩnh đối phó để tỏ cho Đồng-minh biết rõ tư cách dân tộc ta không phải là dã man hiếu chiến tham lam ích kỷ, Ngày tháng 9 dương lịch năm ngoái, bọn thực dân xâm chiếm Nam bộ, khi viện binh chưa tới, xin nghị hòa ta cũng liền ưng ; đến sau có viện binh đến, lại đánh ta, ta cũng phải đỡ. Lại ngày 6 tháng ba năm nay, xin ký hiệp ước sơ bộ, ta cũng vui lòng thuận theo, đủ tỏ dân tộc ta chủ trương không **tranh** *để khỏi* **chiến** *hợp với ý muốn của các nhà bác ái hoàn cầu đã 28 năm nay mưu cuộc hòa bình cho nhân loại, và hợp với nguyện vọng của tất cả các tiểu nhược quốc đã mấy trăm năm nay quằn quại dưới chế độ thực dân phát xít.*

Đó là những cách biết nhận định sáng suốt, biết theo ý muốn của Đồng-minh, biết tôn trọng Hiến chương của các Cường quốc trên thế giới.

Chỉ một cái biết đó đủ sống được ở đời.

Vậy những kẻ nào không muốn biết chính nghĩa, cứ tham lam hà hiếp nước yếu khinh nhờn Đồng minh, coi thường Hiến chương mạt sát quần chúng, bóc lột nhân loại, thì tất cũng sẽ theo số phận của tội khôi chiến tranh vậy sẽ rõ : **cậy mạnh cũng chết, để yếu cũng chết chỉ biết thì sống vậy.**

NGHIÊM - MINH

Sứ bộ PHAN-THANH-GIẢN

Phái đoàn PHẠM-VĂN-ĐỒNG

Nếu bánh xe lịch sử đã quay thì ta không thể nào không thấy những sự tình cờ tái diễn trong trường bang giao giữa nước ta và nước Pháp.

Tôi muốn nói đời Tự-Đức những người thực-dân Pháp đã thi hành sai bản hòa ước 1862 mà thôn tính 6 tỉnh Nam-kỳ và ngày nay nước Việt-nam cùng nước Pháp cũng đang ở trong trường hợp giống như trên.

Nhưng không khi ngày nay đã khác thời thế khác mà nhân tâm cũng khác vậy.

Không phỏng đoán sự kết quả vì sau cuộc Hội nghị Dalat — chỉ là hội-nghị trù bị — ta còn phải chờ xem kết quả của cuộc hội nghị chính thức.

Mặc dầu thế, phái đoàn quốc hội sang Pháp tỏ tình thân thiện đã về nước có nhiều kết quả, còn hội-nghị chính thức Ba-lê cũng đã khai mạc.

Để cung thêm tài liệu, chúng tôi thử phác lại câu truyện sứ bộ ấy ở vào đời Tự-Đức :

Năm 1859, là năm Tự Đức thứ12, chiến hạm Pháp do thủy sư đô-đốc Rigault de Genouilly tiến đánh Đà-nẵng, Sài-gòn Gia-định và Biên-hòa, rồi chiếm đóng mấy tỉnh Biên hòa, Gia-định, Định-tường, Vĩnh-long.

Triều đình Huế phải sai hai ông Phan-thanh-Giản và Lâm-duy-Hiệp vào Gia-định nghị-hòa và ký hòa ước ngày 5 tháng sáu năm 1862 nhường cho Pháp 3 tỉnh : Gia-định Định-tường và Biên hòa.

Nhưng năm sau, năm Tự-Đức thứ 16 (1863), Triều-đình sai một sứ bộ gồm có ông Phan thanh Giản làm chánh sứ và hai ông Phạm phú Thứ, Ngụy khắc Đản là phó sứ sang Pháp và Y-pha-nho để chuộc lại 3 tỉnh cùng sửa lại hòa ước.

Theo dư-luận thời ấy (2) mục đích sứ-bộ là sang mừng Pháp hoàng Nã-phá-lân

đệ tam (Napoléon III) để cám ơn về những quà đã gửi tặng vua Tự-Đức về dịp ký hòa ước 1862, còn mục đích chính trị là chuộc lại ba tỉnh đã mất và sửa đổi lại hòa ước.

Sứ bộ tất cả có 60 người, trong số ấy có 3 người : Linh mục Hoàng, Trương Vĩnh-Ký và Tôn-thọ-Tường dùng vào việc phiên dịch và thông ngôn cho sứ bộ.

Sứ bộ đáp tầu « Européen » ở Sài-gòn ngày 4 tháng 7 năm 1863 tiền tầu do chính phủ Nam triều phải giả, thủy quân thiếu tá Rieunier (trong sứ bộ dịch là Lý-a-nhi) được cử đi tùy hành.

Ngày 17 tháng 8 sứ bộ đến Suez sang tầu « Labrador » và ngày mồng 10 tháng 9 thì đến cửa bể Toulon, trên bờ có bắn 17 phát súng thần công chào sứ bộ và tất cả chiến hạm đỗ ở đấy đều kéo cờ mừng.

Ngày hôm sau, các viên chức bộ hải - quân ở Toulon lên chào sứ bộ, Thủy quân đại tá Aubaret (dịch là Hà-bá-lý) làm thông ngôn.

Rồi sứ bộ lên bờ thăm xưởng đóng tầu, trại pháo thủ, dự tiệc trà và đi thẳng đến Marseille.

Ngày 11 tháng chín, Mure de Pelaune là là đại biểu bộ ngoại giao đến chào mừng sứ bộ và mời lên nghỉ ở Khách-sạn. Ngày hôm sau sứ bộ đáp tầu hỏa đi Ba lê, đến Ba-lê vào buổi chiều 13 tháng chín.

Đến kinh thành có Feuillet de Couches (dịch là A tô mãng) đại diện Pháp hoàng đến chào mừng và có xe ngựa của triều đình Pháp đón sứ bộ về nghỉ ở khách sạn số 17 phố Lord Byron gần Khải hoàn môn.

Lúc ấy Pháp hoàng còn đi nghỉ mát ở Biarritz, ngày 18 tháng 9 sứ bộ đến thăm Thượng thư bộ Tài chính Achille Fould. Phan thanh Giản có nói mấy câu rất cảm động về sự đón tiếp của bộ tài chính, Aubaret làm thông-ngôn.

Rồi việc đàm phán giữa ông Thượng thư bộ tài chính với sứ bộ về món tiền mà nước Nam định bỏ ra để chuộc 3 tỉnh, ông Drouyn de Lhuys đã có ý thu xếp việc triệt binh ở Nam kỳ về.

Theo báo *Indépendance belge* thì nước Nam định bỏ ra 85 triệu quan để chuộc các tỉnh đã mất và nhường Saigon cho Pháp, các báo Pháp và ngoại quốc đều đăng tin ấy.

Rồi có đến 50 bản mật khảo gửi lên Pháp hoàng và các chính khách, chủ ý là bênh vực nhời đề nghị của sứ bộ Phan thanh giản.

Những mật khải ấy lẽ cố nhiên là không cho đô đốc Toan quyền De la Grandière và bá tước de Chasseloup Laubat Thượng thư hải quân và thuộc địa biết ; việc chuộc 3 tỉnh chỉ giản xếp ở hai bộ ngoại giao và tài chính.

Trong khi ấy thì những nhân viên trong sứ bộ được dẫn đi thăm các nơi tại Ba-lê và các nhà máy lớn.

Ngày 7 tháng một năm 1863, Pháp hoàng tiếp sứ bộ ở điện Tuileries.

Trước ngày ấy, trong buổi họp viện lập Pháp, Pháp hoàng trong diễn văn đã nói rõ về chính sách viễn chính đại khái như sau đây :

« Những cuộc viễn chính mà chính phủ « thường bị công kích không phải là một việc « làm dự định sẵn, nhưng vì một sự bó buộc. « Làm sao để banh trướng nền thương mại « của nước Pháp nếu một khi ta bỏ quyền lợi « ở Mỹ châu (Việc Mễ-tây-cơ) mà các nước « như Anh-cát-lợi, Y-pha-nho, Hòa-lan có « những thuộc địa rộng rãi, lẽ nào chỉ một « mình nước Pháp không có một thuộc địa « nào trong miền bể ở Á-châu...

« Chúng ta đã lấy Nam kỳ, một địa điểm « đã không có sự gì khó khăn rồi, Chính phủ « xứ ấy lại giúp ta khai khẩn những nguyên « liệu rồi rào và khuếch trương việc thương « mại... »

« Les expéditions lointaines, objet de tant de critiques, n'ont pas été l'exécution d'un

plan prémédité, la force des choses les a menées cependant elles ne sont pas à regretter. Comment en effet, développer notre commerce extérieur, si d'une part nous renonçons à toutes influences en Amérique, et si d'autre part, en présence des vastes territoires occupés par les Anglais, les Espagnols et les Hollandais, la France reste, seule sans possession dans les mers d'Asie ?

Nous avons conquis en Cochinchine une position qui, sans nous astreindre aux difficultés du Gouvernement local nous permettra d'exploiter les ressources immenses de ces contrées et de les civiliser par le commerce ».

Xem như thế thì ý định của Chính phủ Pháp về việc Viễn đông đã rõ ràng, nhưng vì Chính phủ Pháp nhân ấy việc viễn chinh ở Mê-tây cơ và Á châu đã tiêu hụt 972 triệu, nên định cố đem số tiền ngót 100 triệu chuộc mấy tỉnh Nam kỳ để che lấp bớt sự thất bại về tài chính mới phải nêu ra việc cho chuộc vậy.

Thấy dư-luận Pháp như vậy, sứ bộ Việt Nam cũng tưởng là ý nước Pháp chỉ cốt việc thương mại nên việc chuộc ba tỉnh là vấn đề có thể giải quyết được, nên vững tâm vào bệ kiến.

Cuộc yết kiến do Aubaret thông ngôn vì Aubaret đã dịch sai đoạn cuối bài đáp từ của Pháp hoàng có đoạn sau đây :

« La France est bienveillante pour toutes les nations et protectrice des faibles, mais ceux qui l'entravent dans sa marche ont à craindre sa sévérité »

Dịch :

« Nước Pháp rất có thiện cảm với các nước và che chở cho nước nhỏ, nhưng nếu nước nào ngăn trở sự tiến triển của bản quốc sẽ phải coi chừng sự nghiêm trị.

Aubaret đã dùng chữ « phải sợ », nên sứ bộ lui ra về cho là việc *sẽ thất bại*.

Nhưng Pháp đình đã khôn khéo và ngày 12 tháng chạp năm 1863, trong tờ báo *Moniteur universel* có đăng việc chính phủ Pháp sẽ xét lại hòa ước ký ngày 5 tháng 6 năm 1862.

Sứ bộ cho là việc dàn xếp xong mới qua I-pha-nho, yết kiến nữ hoàng Isabelle rồi xuống tàu về nước ngày 18 tháng một năm 1864 trên chiếc tầu chiến « Japon ».

Tính ra sứ bộ đã đi 8 tháng rưỡi và đường trường bị bão đã phải đỗ lại các nơi như : Cette, Civita vecchia, Naples, Messine cho nên mãi ngày 23 tháng giêng năm 1864 mới đến Alexandrie.

Trong khi ấy, thì tình thế ở Nam-kỳ đã thay đổi nhiều, trước hết là việc đô-đốc De la Grandière được thực thụ toàn quyền Nam kỳ, hai là việc nước Pháp đặt quyền bảo hộ xứ Cao-mên và tin đồn là sứ bộ Việt-Nam đã bị bạt phong mất tích :

Khi sứ bộ đặt chân lên Sài-gòn, việc đón tiếp vẫn tử-tế và long trọng báo *Courrier de Saigon* (tháng ba 1864) có đăng rõ những việc đón tiếp sứ bộ và những cuộc đi thăm Sai-gòn, Chợ-lớn ngày 24 tháng ba 1864, thủy sư đô-đốc De la Grandière sai chiếc pháo thuyền « *Echo* » đưa sứ bộ về Huế, ngày 28 đến nơi.

Lại trông khi ấy Aubaret được cử sang làm lãnh sự cũng đến Sài-gòn và ngày 14 tháng sáu 1864 thì đến Thuận-an.

Đến Huế, Aubaret được tiếp đón trọng thể và ngày 16 được diện kiến vua Tự-Đức.

Trong khi mà ở Huế, Phan-thanh-Giản cùng ông Aubaret sửa lại hòa ước thì những bọn theo đuổi chính sách lấy đất Nam-kỳ là : Bonard, Rigault de Genouilly, Bá tước de Chasseloup Laubat, tử tước Breunier và Rieumier (sau là thượng thư Hải quân) hết sức vận động để làm sai dư-luận Pháp và để làm ngăn trở việc sửa đổi hòa ước.

Tháng tư năm 1864, một cuốn sách nhan đề là « La question de la Cochinchine au

point de vue des intérêts français » tác giả là Henri Abel được phát hành và giữ đi các chính khách, yếu nhân và các nhà báo nghĩa là gửi, đi cổ động khắp các nhân sĩ Pháp có ảnh hưởng đến chính trị đương thời.

Pháp hoàng cũng nhận được một cuốn có bản đồ Nam-kỳ và một tờ trình rõ ràng về những sự lợi hại và công kích việc đã không dự chi về việc Nam-kỳ trong ngân sách năm 1865.

Đầu tháng một năm 1864, bá tước de Chasseloup Laubat, thượng thư bộ Hải-quân đệ lên Pháp hoang một tờ trình về tình hình Nam-kỳ, cách đó ít lâu các báo đều công kích việc giả lại mấy tỉnh và nói đến việc lợi của nước Pháp nếu có thuộc địa ấy.

Pháp hoàng cũng chưa quyết định nhưng đến tháng sáu 1864 thì có lệnh bãi bỏ những cuộc đàm phán sửa đổi hòa ước và ra lệnh cứ thi hành đúng hòa ước đã ký.

Lệnh ấy đến Nam kỳ đã được pháo thuyền Echo chuyển giao cho đại diện Pháp ở Huế, nhưng đến chậm vì Nam-triều và đại diện Pháp đã ký xong ngày 15 tháng bảy năm 1864.

Đại khái hai bên sửa đổi hòa ước như sau đây:

1) Nước Pháp trả lại cho nước Việt Nam 3 tỉnh và được quyền bảo hộ cả sáu tỉnh miền hạ du Nam kỳ, không có tính cách gì thần phục.

2) Nước Pháp được đặt những khu kiều cư ở các tỉnh Sài-gòn, Mỹ tho, Cap Saint Jacques.

3) Pháp kiều được ở Đà nẵng, Quảng Nam ăn sâu vào 9 cây số ở quanh cửa bể ấy.

3) Nước Việt Nam phải bồi thường chiến phí là 80 triệu quan, mỗi năm giả 2 triệu trong hạn 40 năm.

Những đề nghị sửa đổi hòa ước đã bị Pháp đình bác sau khi nghe tờ trình của thượng thư bộ hải quân ngày 4 tháng một năm 1864.

Ngày 20 tháng bảy năm 1865 Toàn quyền Nam kỳ báo cho triều đình Huế biết việc Pháp đình bác bỏ việc cho chuộc ba tỉnh Nam kỳ.

Rồi đến năm 1867 quân Pháp tiến binh lấy 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên và Phan thanh Giản vì không sao giữ nổi xứ Nam kỳ đã uống thuốc độc tự tận vào ngày 5 tháng bảy năm Đinh mão (1867).

Trở về trên đã lược thuật câu truyện sứ bộ Phan thanh Giản cùng việc mất Nam kỳ, nhưng ngoài cái làm sự của Phan mà ta nhận thấy ở 4 câu thơ :

Từ ngày đi sứ đến Tây kinh,
Thấy việc Âu châu phải giựt mình
Kêu rủ đồng bang mau thức dậy
Hết lời năn nỉ chẳng ai tin

Ta còn nhận thấy cái ý định lấy Nam kỳ lúc ấy chỉ là sự vận động của bọn thực dân và tài phiệt có quyền lợi khi nước Pháp mới thôn tính Nam kỳ, bọn này nhìn thấy lợi khai khẩn nên đã hết sức quăng tiền ra cổ động để cho Pháp hoang bãi bỏ tờ hiệp định Aubaret và nhất định việc lấy nốt 3 tỉnh.

Thời gian qua, Nam kỳ ở dưới gót giầy thống trị của thực dân Pháp đã trở nên một xứ rất phì nhiêu, đã cùng bao nhiêu tiền của cho bọn tại phiệt tha hồ ăn trắng, mặc trơn, ở lâu đài, lên xe, xuống ngựa, sự giầu sang của họ phải chăng là một phần xương máu của đồng bào Nam kỳ đã tạo lên, vì vậy ngày nay vấn đề Nam bộ lại một lần nữa được đặt trên những thảm xanh của các hội-nghị ; nhưng dù sao chúng ta cũng phải nhận định rõ rằng *nước Pháp chân chính mới* 86, năm về trước cũng như ngày nay không bao giờ làm trái ý định của Hiến chương Đại tây dương.

Những sự ta thường thấy hiện giờ ở Nam bộ chẳng qua là những trò hề của bọn địa thực dân còn sót. Người thực dân Pháp nhất định đứng trên lập trường phúc quyết

(Xem tiếp trang 47)

MẶC AI MUỐN NÓI THẾ NÀO!

CÔ HÀNG GẠO

(Thể ngụ ngôn)

Cô Nam con gái nhà nông,
Làm nghề bán gạo, gánh gồng hôm mai.
Ngày ngày đòn ghinh trên vai,
Hai đầu hai thúng, nhanh-trai nhẹ-nhàng.
Trông cô có vẻ gọn-gàng,
Lại thêm cả một ghinh hàng gạo thơm.
Làm cho kẻ nọ thèm-thuồng,
Giữ luôn một thúng bờm xơm giở trò.
Phao lên những tiếng hàm-hồ,
Bảo rằng: «Chẳng phải của cô thúng này».
Nghe lời nói lạ-lùng thay,
Cô hàng tức giận mắng ngay một hồi:
«Thúng này không phải của tôi,
«Dễ thường thúng của các người đấy chăng?
«Sao không mở mắt mà trông,
«Một gánh đôi thúng tôi gồng bấy nay,
«Nếu không có thúng bên này,
«Thì sao gánh nổi thúng đầy bên kia?
« Các người nói thực khó nghe,
«Thôi thôi đừng có ti-toe dông-dài! »

. . .

Một đòn gánh, ghinh hai chiếc thúng,
Nước Việt-Nam nhất-thống dư-đồ.
Hai năm trăm lẻ đến giờ,
Cái hình « nhất cống lưỡng cơ» (1) rõ ràng.
Hai bộ Bắc và Nam: hai thúng,
Giữa Trung-kỳ: đòn ống ngang vai!
Nước non chung một giải dài,
Cùng chung văn-hóa giống-nòi bấy lâu.
Nếu đem cất một đầu thúng nọ,
Thì địa-hình coi nó ra sao?
Mặc ai muốn nói thế nào,
Nam-kỳ cũng vẫn dính vào Việt-Nam!

ĐINH-LANG

(1) — 痴 瘦 兩 貫 nhất cống đài lưỡng cơ.

Sao lại ANNAMITE Mà không "VIETNAMIEN"

Vần ÍT trong Quốc-văn
và
Và vần ITE trong Pháp-văn

HẢI-LONG

MUỐN tu-dưỡng đề đủ tư cách là một viên chức nước độc lập trên thế giới, thường tối cơm nước xong, mấy anh em ở gần nhà nhau họp lại đàm luận phiếm, hoặc phê bình tính nết của nhau, hoặc giải thích cho nhau rõ những điều gì khó hiểu.

Trong khi trò chuyện, thường quen thói cũ trong thời nô lệ, nói những câu : « người Annam » chứ không « người Việt Nam » hay trong tiếng Pháp dùng chữ « Annamite » chứ không dùng chữ « Viêtnamien »

Muốn chữa thói quen nô lệ đó, một ông bạn mới nghĩ cách hễ ai mắc lỗi như trên, thì cứ mỗi mỗi lần bỏ vào hộp một hào ; lấy tiền phạt đó để mua báo xem cho bổ ích.

Tối đầu, có ba người ngồi nói chuyện phiếm từ 7 giờ đến 9 giờ mà đếm tiền phạt được tới 3 đồng. Trung bình mỗi người phải phạt 10 lần.

Sáng hôm sau, đến sở, tôi nói chuyện thú ấy, dụng ý khích lệ bạn đồng liêu để cùng làm như chúng tôi. Một ông bạn già đồng sự nghe câu chuyện, liền phá lên cười mà rằng :

— Hay, thật là sấm ký ! thật là sấm ký, tôi còn nhớ 7, 8 năm trước, có người đọc cho nghe một bài thơ cũng về hai chữ « Annamite » và « Viêtnamien » như ngày nay, mà không biết ai làm, chứa chan ý tứ. Nhưng bác còn lạ gì 7, 8 năm trước, ai mà dám phổ thông bài đó, vì thế nên tôi cho là sấm ký.

Bài thơ như sau ;

Ta tội lỗi à ! bệnh tật ò !
Sao ta lại ites chẳng iens ois.
Ông bà nào đặt Annamites.
Định nói đùa ta hay xỏ ta.

Đến tối hôm ấy, bài thơ trên đây hẳn là cái đinh trong cuộc hội họp của chúng tôi.

Chúng tôi liền tìm tòi và nhận thấy như sau :

Từ năm 1802 nước ta đã có quốc - hiệu là Việt-Nam. Hồi ấy, người Pháp đã giao dịch với ta, thế mà sau khi đó họ lại không dùng chữ « Viêtnammiens » chỉ người nước Việt Nam, mà lại dùng chữ « Annamites ».

Có người nói chữ « Annamites », họ dùng mãi sau khi họ chiếm Nam kỳ làm thuộc địa, còn xưa họ dùng chữ (Tonquinois) chỉ

Sứ bộ PHAN-THANH-GIẢN

Phái đoàn PHẠM-VĂN-ĐỒNG

(*tiếp theo trang 45*)

và không ngớt sự khủng bố đồng bào trong Nam, đã có một dụng tâm giống như hồi trước là bám chặt lấy Nam-kỳ để cứu vãn tình thế tài chính và nội bộ mà họ đang bị sau hồi quân Đức đóng binh ở nước họ.

Phái đoàn Phạm-văn-Đồng đi Ba-lê ngày 31-5 vừa rồi chắc đã hiểu rõ bài học lịch sử trên, mà ngăn ngừa cái dã tâm của phái thực dân để khỏi như sứ bộ Phan-thanh-Giản trong thời Tự-Đức.

TIÊN-ĐÀM

(1) *Phan-thanh-Giản* ; tên tự là Tinh Ba, Đam Như hiệu Lương Khê quán ở Bến Tre đỗ Tiến sĩ làm quan triều Minh mệnh, Thiệu trị Tự đức, đến chức kinh lược sứ Nam kỳ.

2) Theo Delvaux ở hội truyền giáo Ba-lê (missions étrangères-Paris).

người đàng ngoài (Bắc hà), và Cochinchinois chỉ người đàng trong (Nam Hà).

Có từ bao giờ, dùng từ hồi nào, xin nhường các nhà sử học tra cứu, chúng tôi chỉ hãy muốn rõ cái vần *ite* trong tiếng Pháp hay hay dở thế nào.

Chúng tôi cố tìm ở trên thế giới có tên dân một nước, một giống, một xứ nào mà ở sau có vần *ite* như chữ « Annamite » không, thì nhận thấy duy có dân cổ thời ở xứ *Moscovie* (một bộ phận nước Nga ngày nay) gọi là *moscovite*, còn thì hoặc cắt ngắn đi như người xứ Bretagne gọi là Bretons

Người xứ Allemagne gọi là Allemands
— Angleterre — Anglais
— Hindoustan — Hindous
— Danemark — Danois
hoặc nối bằng những vần *iens ois*, *ains*, v.v.

Như Américains dân Amérique
— Gallois — Galles
— Haïtiens — Haïti
— Indiens — Indes
— Chinois — Chine
— Japonais — Japon
— Italiens — Italie
— Français — France v,v.

Người nào đặt vần *ite* cho dân Việt Nam, ta không rõ là hữu ý hay vô tình mà làm cho dân nước ta từ ngày đeo cái vần *ite* là cái vần không hay ho một thì nào, bị vô cùng khốn đốn.

Xét vần *ite* trong pháp văn những chữ có vần *ite* cuối toàn là tên bệnh và những sự không hay như :

Conjonctivite	bệnh	toét mắt
Méningite	—	đau màng óc
Balanite	—	sưng quy đầu
Glossite	—	sưng lưỡi
Choidite	—	sưng cuống họng
Rhinite	—	đau mũi
Colite	—	kết nóng ở ruột
Cyslite	—	bàng quang nóng
Stomatite	—	đau mồm
Gencivite	—	sưng lợi
Pharyngite	—	đau cổ họng
Gastrite	—	đau dạ dầy
Dermite	—	lở da
Hépatite	—	sưng gan
Faillite	—	vỡ nợ
Gélignite	—	một chất nổ
Dynamite	—	cốt mìn
Cheddite	—	chất nổ như cốt mìn v... v...

Còn trong quốc văn vần *it* cũng chẳng vẻ vang gì, mà nếu thêm dấu nặng nữa vào thì lại càng tai hại như ít, tiu tít, nhẳng nhít, bẹ xít, tịt mít.

Thêm dấu nặng ịt thì có ụt ịt, mù tịt, đặc tịt, đen kịt, xẳng xịt, ăn quịt, ma tịt, mù tịt, thấp như vịt, đòi nợ quịt v... v...

Thế là trong hai thứ tiếng, vần *ite* và *it* đều chỉ những sự bệnh và xấu xa cả.

Từ ngày tổng khởi nghĩa, Việt-Nam Dân-chủ Cộng-hòa, cầm quyền chính bỏ cái chữ «Annamite» đến giờ mới có 8 tháng nay mà xem dân gian dễ thở, vật chất và tinh thần khác hẳn hồi Pháp-Nhật đô hộ.

Cho hay tên có ảnh hưởng không ít.

Xưa các cụ nhà nho ta, thường rất chú trọng đến đặt tên gặp cái gì không may như thi hỏng liền đổi tên thế là đỗ liền như cụ Tam-nguyên Yên-đổ, trước tên là Nguyễn văn-Thắng, thi mãi trượt, sau đổi là Nguyễn-Khuyến liền đỗ.

Chữ «Annamite» làm cho ta mờ mịt trong 86 năm, nay đổi là Vietnamien, chắc ta sẽ :

Sung sướng được như tiên
Đã sẵn có gạo, tiền
Quyết phen này độc lập
Ganh đua tại Quốc liên

HẢI - LONG

TIỂU SỬ CÁC TÊN PHỐ HÀ-NỘI

SAU ngày cách-mệnh tháng 8, cái ngày «đại cách-mệnh» trên bốn nghìn năm lịch-sử chưa từng có, ngày mà Việt-Nam tổ-quốc sáng lập là một nước Dân-chủ cộng-hòa thì :

Kinh-đô Thăng-long của Lý, Trần, Lê trước, qua ngót 200 năm (1786-1945) đã thiên đi nơi khác, lại được khôi-phục làm thủ-đô nước Việt-Nam.

Nơi «ba-mươi-sáu phố-phường» của Hà-nội, trải gần 60 năm (1888 - 1945) bị ngập vào nhượng-địa nước Pháp, lại được phản - hồi với đồng-bào Việt-Nam.

Đô xưa dựng lại, phố cũ thu về. Hà-nội của người Việt - Nam, lẽ tất- nhiên phải có một phen chỉnh-đốn mở-mang theo giai-đoạn mới.

Cũng như các sở công, trường học, nhà thương, trại lính, hết thảy cơ-quan của chính-phủ Cộng-hòa, nhất nhất đều đổi mới, những vườn-hoa đường, ngõ, khu phố hoàn - thành Hà-nội đều được vinh-hạnh xoá hết vết thực-dân, trút lốt nô-lệ, để mang cái danh-hiệu mới, danh-hiệu có đầy những lịch-sử vẻ-vang.

Trong dịp cải cách đó, chính-phủ đã có ban-bố nguyên-tắc và nêu cao biển ngạch. Tiếc rằng với những tấm biển vuông - vắn xinh-xắn treo trên các cột đèn tại ngã ba, ngã tư đầu rẫy, chỉ có thể đề được mấy chữ tên của các vườn-hoa, đường, ngõ, khu, phố, mà không còn có thể đề thêm gì được nữa. Khiến cho người đi phố, chẳng khỏi phải ngơ-ngác khi trông thấy biển .... mà không hiểu rõ điển-tích ra sao. Chính tôi đã được nghe có những câu bỏi ngộ-nghĩnh như cười của một vài bạn đi đường :

— Sao đã có phố Bà-Triệu (tức phố Lê-Lợi cũ) lại còn có phố Ẩu-Triệu (tức phố Marcel Loget cũ). Mà Triệu-Ẩu chứ sao lại gọi ngược thế?

— Sao phố đã Cấm-chỉ (tức phố Llondé cũ), mà vẫn thấy có người qua lại như thường.

Thì ra người ta đã nhận lầm Thừa-thiên liệt-nữ (xem vần A) với Lệ-hải Bà-vương (xem vần B), và chỉ quen trông những tấm biển yết-thị «lập nhập cấm chỉ» tại những cơ quan trọng-yếu nào, chứ không biết có câu truyện đời Chúa-Trồm ! (xem vần C).

Vậy nếu không có những trang Tiểu-sử để giải-thích các tên phố, mà cứ mặc cho người ta không hiểu, hay hiểu sai như thế, chả cũng hư-phụ mất thâm ý của Chính phủ về phương diện « kiến thiết tâm lý » trong việc đặt tên phố lắm ru !

Chính phủ lựa đem danh hiệu các bậc anh quân, danh tướng, văn gia, liệt nữ, các bậc anh hùng cách mệnh cũ, mới, các chiến-công rực rỡ, các nơi hội họp có dấu vết lịch sử, cho cả những cảnh đau đớn của ách nô-lệ cũ, để mạnh danh cho các vườn hoa, đường, ngõ, khu, phố, là chủ ý cho quốc dân soi gương người trước, ngắm cảnh ngày xưa, mà khích lệ, mà phấn khởi, mà hy sinh, tranh đấu, khỏi thẹn là dân của nước tự-do độc lập. Thì những danh-hiệu ấy, lẽ tất nhiên là quốc dân phải hiểu, cần phải hiểu, phải cố tìm tòi cho được hiểu dù là chỉ hiểu đơn giản, vắn tắt. Chứ nếu không hiểu, hay là hiểu sai lạc... mất ý nghĩa, thì thực là « chẳng những không ích mà lại có hại » — (phi đồ vô ích, nhi hựu nại chi) !

Thể ý chính phủ, tôi lấy tư cách công dân của nước Việt-Nam Dân-chủ Cộng-hòa, phần khảo cứu các sử sách, báo chí, phần phỏng vấn các bậc thức giả (1), biên tập nên trang Tiểu-sử này, mục-đích không gì hơn là mong để nhắc nhở anh chị em đồng bào khỏi nhãng

(1) Xin trân-trọng cảm tạ các vị đã chỉ bảo

quên danh nhân, vãng sự nước nhà theo thâm ý của chính-phủ đã dùng để mạnh danh trong những khi bước chân ra, trông thấy hiển đề tên phố.

Theo biểu tổng-kê tên phố Hà-nội, gồm có hơn 300 danh hiệu, trừ ra những tên gọi theo hàng hóa buôn bán, như hàng Mật, hàng Đường, hàng Muối..., hoặc gọi theo địa danh như đường Sơn-tây, phố Bắc-ninh, ngõ Yên-thái.., hoặc gọi theo mỹ-tự như khu Độc-lập, phố Tự do, đường Hạnh-phúc..., đều đã rõ nghĩa, ai cũng có thể hiểu, không cần phải giải thích. Còn hơn 200 vườn hoa, đường, ngõ, khu, phố, trên tạp chí này, tôi xin lần lượt giải thích theo thứ tự A B C để cống hiến độc-giả. Tựu-trung có chỗ sai lầm, khiếm khuyết, dám mong các bậc thức giả chỉ giáo cho.

THI - NHAM

A

Ấu Triệu (*tên phố*)
(*tức rue Marcel Loget cũ*)

Ấu Triệu (幼超) là biệt hiệu vị sư nữ tên là Lê-thị-Đàm, người xã Thế-lại-thượng, phủ Thừa-thiên. Khoản năm Canh tuất triều Duy - Tân (1910), vì án quốc sự, bị người Pháp bắt giam tra khảo rất tàn khốc, trước sau không khai một lời, rồi tự tận trong ngục. Năm 1928, cụ Phan-sào-Nam sau khi về nước, có soạn văn bia dựng tại trong vườn nhà cụ ở kinh thành Huế để kỷ niệm Ấu-Triệu liệt nữ, lời văn rất bi tráng. Nhà bia có khắc câu đối :

« Tâm khả huyền ư thiên nhật nguyệt,
« Thần tằng giá giữ Việt sơn xuyên. »

Nghĩa là :

Lòng nộ khá treo cùng nhật nguyệt.
Thân này đã gửi với non sông.

B

Bà Trưng (*tên phố*)
(*tức Boulevard Rollandes cũ*)

Bà Trưng (婆徵) bảy là Trắc con quan Lạc-tướng người làng Cổ - lai - huyện Chu diên (thuộc phủ Vĩnh-tường, tỉnh Vĩnh-yên bây giờ). Bấy giờ nước ta thuộc nhà Đông Hán Thái-thú Giao-chỉ là Tô-Định tham-lam tàn bạo, giết chồng bà là Thi-Sách (xem vần T). Bà cùng em là Trung-Nhị khởi nghĩa-binh đánh đuổi Tô - Định. Lược định 65 thành cõi Lĩnh-nam, tự lập làm vua, đóng đô Mê-linh (xem vần M) Nền độc-lập nước ta bắt đầu dựng lên từ đấy. Bà ở ngôi 3 năm (40-43), « Cấm-khê đến lúc hiểm nghèo, chị em thất thế cùng liều với sông ». Nay còn đền thờ tại Hát-môn (Sơn-tây) và Đồng-nhân (Hà-nội).

Bà Triệu (*tên phố*)
(*tức phố Lê-Lợi cũ*)

Bà Triệu (婆超) tức bà Triệu Ẩu, người quận Cửu-chân tức Thanh-hóa bây giờ. Có dũng lược (tục truyền vú dài 3 thước). Bấy giờ nước ta thuộc Đông-Ngô (210-279), bà khởi binh kháng chiến. « Đầu voi chỉ ngọn cờ vàng, sơn thôn mấy cõi chiến tràng xông pha » Quân Ngô khiếp sợ, gọi là Lê-Hải Bà-vương Nay còn đền thờ tại làng Bồ-điền tỉnh Thanh-hóa.

Bà Huyện Thanh - Quan (*tên phố*)
(*tức phố Mạc-đĩnh-Chi cũ*)

Bà huyện Thanh - quan họ Nguyễn không rõ tên, người làng Nghi-tàm, Hà-nội. Lấy chồng họ Lưu người làng Nguyệt-áng, huyện Thanh-trì, tỉnh Hà-đông bấy giờ. Ông đỗ Cử-nhân, làm Tri-huyện huyện Thanh-quan; nên người ta quen gọi bà là « Bà Huyện Thanh-quan». Bà học rộng, giỏi nghề văn thơ. Chính bà là tác-giả bài « Qua Đèo Ngang » cùng nhiều bài thơ nôm nay còn truyền tụng.

Bạch đằng (*tên đường*)
(*tức Đường Cát bờ sông*)

Bạch-đằng là một con sông nhánh của sông Thái bình, phân địa giới hai tỉnh Kiến-An và Quảng yên Sông rộng mà sâu. Ngày xưa quân địch sang lấn nước ta thủy-binh thường do con sông này mà tiến vào nội-địa. Dùng cái kế cắm kè giòng sông để đón đánh chiến thuyền bên địch, Ngô-vương-

Quyền đã phá quân Nam-Hán (năm 938) và Trần-hưng Đạo đã phá quân Mông-cổ (năm 1288) tại sông này.

Bạch vân (*tên phố*)

(*tức cité Krug cũ*)

Bạch-vân tức Bạch-vân-am, nơi ẩn-cư của Trạng-Trình (xem vần T). Khi cụ về hưu, dựng am ở bên hữu làng Trung am tức Cổ-am thuộc tỉnh Hải-dương bây giờ, là quê hương để ở. Nhân tự hiệu là « Bạch-vân cư-sỹ ».

Bạch-Thái-Bưởi (*tên phố*)

(*tức rue Hilairet cũ*)

Bạch-Thái-Bưởi tức Kỳ-Bưởi, quê xã Yên-phúc, huyện Thanh-Oai, tỉnh Hà-đông. Là người Việt-nam thứ nhất mở xưởng đóng tàu, chữa tàu chạy sông và đường biển. Ông đã mở đường hàng hải cho người bản-quốc cạnh-tranh thương-quyền với ngoại quốc về khoảng đầu thế-kỷ 20 này.

Báo-Anh (*tên phố*)

(*tức voie 206 cũ*)

Bảo Anh là tên một nhà nuôi trẻ con của một hội từ thiện sáng lập, để nuôi giữ trẻ con bồ-côi làm phúc.

Bảo-Khánh (*tên phố*)

(*tức rue Pottier cũ*)

Bảo-Khánh là tên một ngõ ngoại thành Thăng-long về đời nhà Lê, gần với tháp Bảo thiên.

Bích-Câu (*tên phố*)

(*tức phố Alexandre cũ*)

Bích-Câu là tên một phường của thành Thăng-long ngày xưa. Tục truyền đời Hồng Đức nhà Lê (1470-1496), có thư-sinh họ Trần tên là Tú-Uyên, gặp tiên-nữ ở đấy. Nên có chuyện « Bích-câu kỳ-ngộ ».

Bình-Chuẩn (*tên phố*)

(*tức rue Roi deny và rue des seanx cũ*)

Bình-Chuẩn là tên một chiếc tàu to nhất trong các tàu thủy của hãng tàu Bạch-Thái do ông Bạch-thái-Bưởi làm chủ khoảng đầu thế kỷ 20 này.

Bùi-bá Kỳ (*tên phố*)

(*tức rue Capitaine Brussaux cũ*)

Bùi-bá-Kỳ người làng Phù-nội, huyện Thanh-miện, tỉnh Hải-dương bây giờ, làm quan nhà Trần. Khi Hồ-quí-Ly cướp ngôi Trần (1399), ông sang Trung Hoa cáo biến, xin đánh Hồ, lập con cháu nhà Trần. Sau nhà Minh đem đất nước ta chia làm quận huyện, cho ông làm chức Tham nghị. Ông không nhận chức, thu nạp bầy tôi cũ nhà Trần. Quan nhà Minh ngờ là có dị chí, bắt đưa sang Kim-lăng.

Bùi-huy-Bích (*tên phố*)

(*tức route Sinh-từ cũ*)

Bùi-huy-Bích hiệu là Tồn-Am, người làng Thịnh liệt, huyện Thanh-trì, tỉnh Hà-đông bây giờ. Đỗ tiến-sỹ năm Cảnh-Hưng thứ 30 đời Lê Hiển-tôn (1770), làm quan đến chức Thị-tụng. Gặp loạn lui về điền lý. Ông có tiếng là bậc văn học yêm bác đời bấy giờ.

(Kỳ sau sẽ tiếp)

GIỚI THIỆU

Chúng tôi nhận được:

1°) Báo (SAO VÀNG) cơ quan tuyên truyền và huấn luyện binh sỹ.

Ông Trần-huy-Liệu chủ-bút, do Chính trị cục trong Ủy-viên Quân-sự phát hành, giá có 2 đồng.

2) « Người săn bắn Việt-Nam », tạp-chí phổ thông về săn bắn, thỉnh thoảng có bài viết bằng văn ngoại quốc: hoặc Trung-hoa, hoặc Anh, Pháp.

LƯỢC KHẢO VỀ BÁO CHÍ

Thế nào là Nhật-báo?
Thế nào là Tạp-chí?
Thế nào là Tuần-san?

MINH NHO

Từ ngày Cách-mệnh tháng tám, một không khí tự do đã làm cho dân ta dễ thở về đủ mọi phương diện.

Riêng về báo chí, nhân theo chế-độ rộng rãi của Chính-phủ dân chủ cộng-hòa, mỗi ngày thấy xuất hiện mỗi nhiều. Một vì các nhà tri thức có những tư tưởng, ý kiến ích quốc lợi dân, đều đem bộc bạch, giãi bầy một cách thiết tha, thành thật, chứ không như trong hồi Pháp-Nhật đổ hộ ngôn luận bị hạn chế; hai, vì theo mệnh lệnh Chính-phủ dân gian đều phải biết đọc, biết viết, chứ không như trong hồi Pháp thuộc sự học bỏ buộc ngăn cấm.

Hai lẽ đó, lại thêm tình hình trong nước và ngoài quốc tế rồn rập, đã gây thêm nhiều báo chí, và đã làm tăng nhiều độc giả.

Báo chí xuất bản nhiều là triệu chứng hay tỏ rõ dân Việt-nam ham học, ham biết.

Nhân thế, nên lược khảo thể tài công dụng báo chí để hiến những bạn đọc báo; những bạn muốn viết báo, và những bạn muốn kinh doanh báo biết qua:

thế nào là Nhật-báo?
thế nào là Tạp-chí?
thế nào là Tuần-san?

***

BÁO CHÍ! Thường người ta hay nói hai chữ báo chí, tức là nói tắt bốn chữ Nhật-báo và Tạp-chí.

Tất cả cái gì mình nghe được, biết được, hiểu được rồi đem kể lại, ôn lại giảng lại cho người khác, hay để người sau cùng biết, cùng hiểu bằng mọi phương tiện hoặc truyền khẩu hoặc làm hiệu hoặc vẽ khắc, hoặc viết rá thành bài v. v... thế gọi là báo.

Ngày xưa những tin truyền khẩu, những truyện cổ tích, những câu vi câu vè, những bài hát, bài thơ, đều làm báo theo thể cách truyền khẩu.

Những cái đạc, cái mõ, những cái loa, cái trống để loan báo cho dân chúng những tin tức trong nước, cũng đều là làm báo theo cách dấu hiệu.

Lại những chuông đồng, vạc đồng, khánh đá, bia đá, knắc trạm những việc quan trọng xảy ra, hay những việc sửa sang đình miếu để dân chúng và hậu thế biết cũng là cách làm báo theo thể cách vẽ khắc.

Thế kỷ 20 này, máy truyền thanh cũng là một cách làm báo.

Báo chí có nhiều thể tài, mà thể tài đó cũng theo sự tiến hóa và trình độ của dân tộc mà biến chuyển.

Báo có thể phân tách ra ba thứ chính Nhật-báo, Tạp-chí, và Tuần-san.

Nhật báo. — Nhật báo là báo ra hàng ngày

Ngày xưa báo chí chỉ có tính cách thông tin, nhưng sau theo sự tiến hóa, biến thêm ra thể cách cổ động và hướng đạo quần chúng. Vì thế nhật báo ngày nay có thể chia ra nhiều thể, như báo thông tin, báo chính trị, báo xã hội, báo tôn giáo.

Có thể ví nhật báo là nhà hành chính đưa dắt quốc dân, nên nhà nhật báo phải hoạt động, phải lịch duyệt mà thông minh, mưu mẹo mà mạnh bạo, hóm hỉnh và nhanh nhẹn, đem những cái lợi hại mà bá cáo, đem mọi điều hơn kém mà bô bảo, đem những

việc gần xa mà cảnh tỉnh quần chúng để cổ vũ lòng tiến thủ của con người, để khích lệ chí hăng hái trong công việc, ngõ hầu gây hạnh phúc cho toàn dân.

Thể cách như thế nên văn thể và văn từ phải linh loạt giản ước, sốc nổi, thiết tha, nhời ít ý nhiều, đanh thép, mới mẻ, mới đủ lực gây trong xã hội một làn dư luận.

Phàm nhà báo nào có gây được dư luận mới là nhà báo có biệt tài, cho nên nhà làm báo không những phải có một nền học đầy đủ mà còn phải lịch duyệt thế cố nhân tình am hiểu dân sinh quốc kế, mới đứng nổi, vì tờ báo ngày nay, công dụng rất là to tát.

Đã có người phải nói : « *tờ báo là một Chính-phủ dân cử* ».

Thật vậy, các nước dân chủ, thế lực tờ báo rất lớn. Tờ báo là nhời nói của dân, là ý muốn của dân, nên chính sách ngoại giao nội-trị, thường hay giữa vào dư-luận và dân ý.

Tính cách Nhật báo là thế, rất khác với Tạp-chí.

Tạp chí : — Tạp chí là một thể báo ra hàng tuần, hàng tháng, hàng ba tháng, sáu tháng hàng năm, hay không định kỳ.

Tạp-chí lại cũng phân ra nhiều thứ ; tạp chí phổ thông, Tạp-chí chuyên khoa như chuyên về khoa-học văn chương, triết học; pháp-chính kỹ nghệ, thương - mại, y học, luật học v. v.

Tạp chí chuyên về nghiên cứu, sưu tầm, giảng diễu, nên phải có tài liệu phong phú, tra cứu tinh thâm, nghị luận sắc thực, văn chương tao nhã.

Nói tóm lại, Tạp chí như một quyển sách, cho nên văn thể và thể tài phải trang nghiêm, không thể vội vàng nhanh chóng như nhật báo.

Văn tự Tạp chí phải yêm báo, thâm thúy, tinh tường khúc triết. Nói về việc gì, sự gì vật gì, phải có nhiều tài liệu khảo cứu. kỹ càng đầu đuôi gốc ngọn, nguyên tắc chi tiết, phải nói rõ phân minh, vì mỗi bài trong tạp chí có thể họp in thành sách, nên phải hết sức thận trọng.

Đến như hình thức tạp chí cũng phải cho mỹ quan, từ cách in đến cách sếp đặt bài vở tranh ảnh cũng phải đẹp đẽ sạch sẽ.

Công dụng Tạp-chí cũng rất lớn. Tạp-chí có tính cách giáo hóa, lấy tư tưởng, học thuật để luyện tập tài đức cho nhân quần.

Giữa Tạp-chí và Nhật-báo, có một thể thứ ba là Tuần-san.

Tuần san : — Một thứ báo ra hàng tuần.

Tính cách và thể tài nửa về Nhật báo nửa về Tạp chí.

Vì thời gian có hạn, bài vở có muốn kỹ cũng không kỹ được ; mỗi tuần mới ra một kỳ, tin tức có muốn chóng cũng không chóng được, cho nên bài vở tất không thể phong phú tinh thâm như Tạp chí, mà phải giản ước thiết thực nhiều ; tin tức cũng không thể nhanh chóng như Nhật báo, nên chỉ cần đăng những việc, những tin có quan hệ đến quốc kế dân sinh.

Tại thế, nên thể tài tuần san cũng rất khó ; phải có đủ tư cách hoạt bác, lịch duyệt của nhà Nhật báo, lại cũng có cả cái thâm thúy nghiêm trang của nhà Tạp chí. Những nhà chủ trương Tuần san cũng phải là những nhà nhả nhiều học lực lại giầu kinh nghiệm mới được.

***

Xem như thế, ba thứ mỗi thứ có một công dụng.

Nhật báo như cơm hàng ngày cần ăn để sống ; Tạp chí như món ăn bổ, để bồi bổ sức khỏe ; Tuần san như món quà ăn đỡ lòng.

Ngày nay nước nhà đang kiến thiết cơ nghiệp còn trống trải đơn sơ. Trong khi chờ đợi có một trường Báo chí như ở các nước văn minh Âu Mỹ mong các bậc anh tuấn sẵn thông minh, sẵn năng lực, tự đào tạo lấy những nhà báo biết yêu nghề, sứng đáng của một nước dân chủ văn hiến ở trên cõi Á đông này thì thật vẻ vang cho nòi giống.

MINH NHO

SỬ LIỆU

Nhân chúng tôi nghiệm thấy nhiều tài liệu về sử bị xuyên tạc quá lắm, như việc người nọ, gán cho người kia văn ông Trần cho là văn cụ Nguyễn. Đã tam sao thất bản, lại hay căn cứ vào hư truyền.

Những việc như thế, kiểm điểm được thật là khó khăn, nên chúng tôi mở ra mục này, có mục đích :

1) Sưu tầm các tài liệu về sử như : đồ-thư, di bút, tiểu sử, giai thoại v... v... của các tiên hiền danh nhân cổ kim.

2) Đăng tải hết cả các tài liệu nhặt được để bạn đọc tiện kiểm điểm dùm, xem có chỗ nào sai, có việc gì nhầm, xin phủ chính cho để khỏi xuyên tạc.

Muốn tiện việc tra cứu, chúng tôi định cứ mỗi tài liệu sẽ đánh số để sau này sẽ in thành một bản mục-lục.

Vậy, xin bạn đọc, ngoài những bài phê bình, khảo cứu trường thiên về sử, vị nào có biết, có ghi, những tài liệu như trên hay có thấy trong những tài liệu đã đăng có gì sai nhầm, xin hạ cố cho biết, chúng tôi rất hoan nghênh, và trân trọng cảm tạ.

L. T. S.

Số I. - *Phan-tuấn-Phong* Ông là anh ông Phan-văn-Trường, một nhà chí-sỹ đã từng bôn ba về quốc sự, bị bọn thực-dân Pháp bắt đem đầy tại Guyane, hết hạn 10 năm được tha về, đến Sài-gòn (Nam-Bộ) thì bị bệnh mất.

Ông Hoàng-Tăng-Bí có phúng một đội câu đối có 24 chữ mà tả được cảnh huống, tâm chí :

Khứ quốc thập niên dư, nghĩa cốt khảng ưng Tân Thế-giới ;
Quy gia thiên lý ngoại, trung hồn do luyến cựu giang sơn.

Tạm dịch : bỏ nước hơn 10 năm xương nghĩa (tức là người nghĩa-liệt, gánh vác việc nước) không ưng chôn ở Tân Thế-giới về nhà mới đến ngoài nghìn dặm (quê ở Bắc-bộ, làng Đông ngạc, mới về tới Nam-bộ Sài-gòn) trung hồn (tức là cái hồn người trung nghĩa ái quốc) còn mến nước non xưa có ý tỏ được cả về đến đất nước nhà mới chết.

M. M.

Số 2.— *Di văn của cụ Phan-bội-Châu.*— Cụ Phan-bội-Châu, khi đó còn ở Huế. Một hôm gặp ông Nguyễn-sơn-Hà, một nhà kỹ nghệ lớn làm sơn tây ở Hải-phòng. Cụ Phan hỏi biết sự nghiệp kinh doanh lấy làm thú, cao hứng cụ tặng nhà kỹ nghệ một đôi câu đối :

Hóa học đắc âu trường, tô điểm sơn hà tâm hữu tất ;
Công khoa tồn Việt chủng, chuyển di thời thế thủ vi cơ

Thật rõ là nhà làm sơn tây, chứ không thể lẫn với làm sơn ta được, mà lại gò được cả tên nhà kỹ nghệ.

HẢI-LONG

Số 3 : — *Bức tranh của ông Cao bá-Đạt vẽ* : — Ông Cao bá Đạt cùng ông Cao bá Quát là anh em đẻ sinh đôi, người làng Phù Thụy thuộc tỉnh Bắc Ninh bây giờ, đỗ cử nhân năm Minh Mệnh thứ 15, tức là năm ất tỵ năm 1815 sau làm tri huyện Nông Cống tỉnh Thanh hóa.

ng cũng như ông Quát hay ngang tàng có hình đời, có vẽ một bức tranh một cô cô chở một chiếc thuyền ở giữa bể dương cơn phong ba bão táp. Cô hết sức giữ lái đến nỗi đứt thắt lưng.

Trên bức tranh, ông đề 4 câu thơ lục bát :

Dương cơn sóng bể sóng luồn,
Cho nên tôi phải đề l ; tôi ra.
Vì dù hải bất dương ba.
Của tôi, tôi giữ, ai đà biết chi.

Có người nói, hiện bức tranh đó còn có rồi giữ được ở vùng Thanh hóa.

Nếu thực có, và thực còn mong vị nào có c tranh, nên đem tặng hay đem bán cho ốc gia bảo tàng để làm của chung thì thật hay vậy.

Số 4 : — *Cụ Nguyễn thượng Niên*, một nhà i-sĩ về lớp trước, ai cũng đã rõ. Lúc cụ còn n đốc học Nam định, và bà cụ thân chưa ất, cụ vẫn định xuất dương nên lập tâm cho ười nhà mở một hiệu bán thuốc ở Hà-nội hông rõ phố nào ? nhà n o ?) có ý lấy nê lại để tiện khi trốn ra ngoài.

Cụ có đề một đôi câu đối nôm ở hiệu thuốc :

Bốn nghìn năm cây cỏ đất bờ nhà, xu xếp lại dựng nên bài chính khí :
Ba trăm vị quần thần nền nếp tổ, mở mang ra hoàn lấy tệ hồi xuân.

L. Đ.

Số 5 : — *Khẩu khí ông Cao bá Đạt và Cao i Quát lúc bé* : — Ông Đạt và ông Quát ong sinh) khổ người suýt soát nhau, lúc hỏ thường hay đi chơi. Một hôm đang chơi bờ ao cạnh đường cái làng, vỗng ông uyện làng đi qua. Hai anh em mải chơi hông tránh, ông Huyện biết là ông Đạt và ng Quát mới đọc to :

Học trò là học trò con,
Bắt cá rô ron, là con học trò.

Ông Đạt liền đáp lại :

Ông huyện là ông huyện sẩn,
Đi võng nhờng nhằng là thằng ông huyện.

M. C.

Vài mẩu chuyện vụn về cuộc Cách-mệnh Yên-bái

Một người bạn ở tỉnh Yên-bái mới đây gặp tôi, có kể cho nghe vài mẩu chuyện vụn về cuộc Cách mệnh Canh-ngọ ở Yên-bái rằng :

Gần ngày khởi nghĩa, Phó-đức-chính lên Yên-bái, vào trú ở nhà một người là Giáo-Đán. Sau khi Cách-mệnh thất bại, quân giặc vào nhà giáo Đán để làng tìm Phó, chúng không thấy Phó, chĩa súng toan bắn giáo Đán, Đán nhanh tay gạt ngọn súng lên, viên đạn bay ra tin vào cái sà nhà, phá thành một lỗ thủng. Hiện nay cái sà bị đạn ở trong nếp nhà ấy vẫn còn.

* *

Qua một đêm thiết huyết, sang ngày hôm sau là mồng 10 tháng 2 1930, nghĩa quân thất lợi hoàn toàn. Nhà cách mệnh Ngô-hải-Hoằng (1) cùng một bạn đồng chí nữa không rõ tên là gì, chạy đến trốn ở đồi Bách-lẫm. Rồi có một chiếc máy bay đến, hai nhà cách mệnh từ trong bụi cây thò ra, ngẩng trông lên không, xem máy bay của Đảng hay của Tây, biết là của Tây, hai nhà lại nấu vào trong bụi. Do thế bọn lý dịch ở đấy trông thấy, chúng đi cử họp tuần tàng đến bắt. Bọn Ngô thấy động, lội qua giòng suối đến ẩn ở trong một cái miếu ; nhưng chẳng mấy chốc cũng bị chúng dò theo vây bắt, đem nộp cho Tây để được lĩnh mấy cái phẩm hàm.

TRÚC KHÊ

(1) Hạ sĩ quan đóng ở Yên-bái, sau bị bắt

Xin đón coi số tới :

Các vua ta với vấn-đề Trị-thủy ở Bắc-kỳ :

Của ông NGUYỄN-THIỆU-LÂU.

VAN LIỆU

Quốc văn ta ngày nay, không phải như hồi bị đô hộ, là một thứ văn phụ thuộc.

Quốc văn ta phải có địa vị trong trường quốc tế, đúng với nhời tiên đoán của một Văn-sĩ Nam-bộ, ông Đông-hồ, năm 1933 có câu:

Vũ đài tranh hội mới, đáng với làng Âu làng Mỹ, Việt văn rồi cũng sánh chen vai.

Đã có địa vị trong trường quốc tế, tất ta phải thận trọng nghiên cứu rõ ràng để sứng đáng với câu « *bốn nghìn năm văn hiến* ».

Vì thế, chúng tôi mở ra mục này, để ghi chép các điển cố, thành ngữ, từ nguyên, cổ kim trong quốc văn.

Việc như thế, không phải một ít người làm nổi; phải có cơ-quan văn học và cả quốc dân giúp đỡ mới làm nên. Nhưng, trong khi chờ đợi, chúng tôi không dám tự nhận bắt tay vào làm, mà chỉ xin tự làm ban thư-ký ghi chép những tài liệu của các bạn đọc gửi cho rồi lại xin trân trọng nhờ các bạn kiểm điểm phủ chính cho những chỗ sai nhầm, ngõ hầu sau này để làm nền tảng cho pho *Quốc văn từ nguyên đại từ điển* thì thật là quý vậy.

Không biết thế nào là cùng, nên chúng tôi sẽ đánh số thứ tự vào các tài liệu, rồi sau này sẽ in ra một bản kê theo thứ tự chữ cái, cho tiện việc tra cứu.

L. T. S.

1: — *Ái quốc*: — Ái; yêu, quốc: nước. Hai chữ đó do câu trong sách Hán-kỷ: Đục sử thân dân như tử, Ái quốc như gia: (nghĩa là muốn thân với dân như con, yêu nước như nhà).

Có ý nói lấy sự yêu nước lo việc nước làm trọng hơn cả thân mình và gia đình.

Thí dụ: *Thua được sự thường chi sá kể*
Nữ nhi ái quốc tiếng muôn đời.

Đương bá Trạc
(Thơ Vịnh Bà Trưng)

2 — *Lạc Hậu*: — Lạc: rớt, hậu: sau; nghĩa là rớt sau người tức là không biết theo kịp người ở lùi lại.

Chữ này trong quốc văn, trước hồi đảo chính Nhật Pháp ngày 9-3-1945, ít dùng, hầu không thấy dùng mà trong dân gian ít thấy ai dùng, tuy trong Tự điển Hán Việt của Đào duy Anh có của từ năm 1932.

Mãi đến ngày 23-3-1945, tờ báo Bình minh của Nguyễn Giang xuất bản có bài « Chính sách lạc hậu của Chính phủ De Gaulle » nói rộng chữ lạc hậu. Từ đó mới thấy dùng nhiều và thường nói đến để chỉ hoặc: người hoặc việc có tính cách thoái lùi, không theo sát với phong trào hay tiến hóa của quần chúng và tình thế.

Thí dụ: *Trong thời đại năm châu chung chạ, sáu giống một nhà này, không thể thực hành được cái dã tâm* Lạc Hậu *cá nhớn nuốt cá bé như 86 năm về trước, cho nên mặc dầu bọn thực dân hoạt động, ta cứ yên tĩnh đối phó để tỏ cho Đồng minh biết rõ tư cách dân tộc ta không phải là dã man hiếu chiến tham lam tàn kỷ.*

NGHIÊM-MINH

3. — *Khủng bố* — Khủng: sợ, bố là bầy ra. Khủng bố là bầy ra sự sợ hãi. Nghĩa đen khủng bố là sợ hãi; nghĩa rộng về chính trị là lấy vũ lực làm cho dân chúng sợ hãi, tính mệnh tài sản nhân dân nguy hiểm.

Trong quốc văn, chữ khủng bố trước cũng ít dùng có chăng chỉ dùng trong thời bí mật ở chiến khu nhưng từ ngày Cách-mệnh tháng tám 19-8-1945) thì rất thịnh hành.

Thí dụ: *ngày 20 tháng 6 năm 1945 là ngày phát xít Nhật khủng bố thanh-niên Việt-nam.*

4 — *Giản dị*. — Giản: sơ sài, dị: dễ, Giản dị là sơ sài, dễ dãi. Nguyên trong Kinh-dịch có câu: Giản tắc dị tùng, nghĩa là sơ sài thì

để theo. Chữ dản dị lấy ở đó. Ông Khổng tử cũng nói : cư kính nhi hành giản, nghĩa là ăn ở thì Kính cẩn, làm việc thì giản dị.

Chữ giản dị dùng nói về những việc có hình (cụ thể, concret) chứ đừng nhầm với chữ giản ước.

Thí dụ : *Theo đời sống mới, người Việt-nam ngày nay, phải ăn mặc làm việc « giản dị » đừng xa hoa, cầu kỳ.*

5. — *Giản ước.* — Giản : sơ sài, ước : tóm tắt những điều trọng yếu, Giản ước nghĩa là đơn giản mà đủ tóm tắt những điều cốt yếu ở trong (simple et complexe)

Chữ giản ước dùng để nói về những sự vô hình (trừu tượng, abstrait).

Thí dụ : *Câu văn hay phải là câu văn thiết thực và giản ước.*

6. — *Châu chấu đá xe.* — Nghĩa đen là con châu chấu dám giơ cẳng chống đa cỗ xe.

Nguyên ngày xưa vua Trang công nước Tề xa giá đi săn. Giữa đường có một con châu chấu cứ đứng không tránh, chực chống lại với cỗ xe. Tả hữu thấy thế bỗng kêu lên : Chết, chết ? Trang-công nghe tiếng, tưởng sự gì nguy biến, vội gọi hỏi. Quan tùy tùng thưa : « Có một con châu chấu tuấy xe đến không « tránh, lại giơ càng lên chống lại. Giống « châu chấu quái lạ chỉ biết tiến, không biết « thoái, không chịu lượng sức mình khỏe hay « yếu, hễ gặp cừu địch, thì xem thường, cứ « xông vào đánh, xin cứ để xe đi, xem châu « chấu sống chết thế nào » ?.

Vua Trang-công nói : « Hãy khoan Giống « đó thế mà đáng kính. Giả sử bây giờ có một « người bị kẻ tiểu bao hà hiếp, không ngại « gian nan, không sợ nguy hiểm, nhất quyết « chỉ tiến lên chọi với quân địch, chết cũng « không thoái ty, thì chẳng đáng nên tôn « kính lắm ư ?.

Nói đoạn, truyền xe tránh châu chấu.

Từ đó tướng sĩ Trang-công, hễ gặp khi lâm trận đều liều chết tiến đánh chứ không chịu kém con châu chấu.

Vì thế đời sau, thường lấy điển này ví với sự dũng mạnh.

Nước ta năm ất mão (1075) nhân có chuyện bất hòa với người nhà Tống, vua Lý nhân Tôn sai ông Lý-thường Kiệt và Tôn-Đản đem quân vây đánh Liêm Châu và Khâm Châu, nhà Tống phải nghị hòa bởi thế, khi ấy người nước ta có câu hát rằng :

Nực cười châu chấu đá xe.
Tưởng rằng chấu ngã ai ngờ xe nghiêng.

7 — *Cưỡi nhạn* : Từ thế kỷ thứ 19, nước ta gặp phong trào Âu Mỹ tràn sang nên có, nhiều cách giao thông mới, như : ,tàu hỏa xe lửa, xe điện, ôtô, tàu bay, xe đạp, duy có mấy thứ xe đạp nhanh và ít tiền, nên dân gian nhiều người ưa dùng. Trong các hạng xe đạp ; có thứ xe hiệu Con nhạn (Hirondelle) thời đó là thứ xe tốt nhiều người ưa. Vì thế nên thường hay gọi xe đạp là con ngựa sắt (pégase d'acier), cưỡi ngựa sắt là đi xe đạp.

Trong văn chương quốc âm, lại dùng chữ « cưỡi nhạn » để nói đi xe đạp.

Thí dụ :

Thảng cảnh cuốc vườn gần vẫn đẻo.
Gò lưng cưỡi nhạn sức còn giai.

TỨ MỖ
(Tâm lất lão)

8. — *Cung kính.* — Cung là qui trọng hiện ra mặt, Kính là qui trọng để trong lòng.

Cung kính nghĩa là tôn trọng.

Thí dụ *Nghèo mà muốn cũng như giàu thế là biết bằng ông số phận không hạn mê gì. Hèn mà muốn cũng như sang, thế là biết nhân nhường và có lễ độ. Không khỏe mà muốn có oai, thế là biết trọng cung kính không nhần lỗi gì ; Chơi bời với mọi người mà muốn suốt đời không lo sợ, thế là biết chọn nhời rồi mới nói.*

Khổng-Tử tạp ngữ
H. L.

SÁCH MỚI

Tinh thần chiến đấu trong bộ đội do tủ sách Sao-vàng trong chính trị cục ủy viên quân sự xuất bản.

Nghĩa-lộ vượt ngục, Nghĩa-lộ khởi nghĩa: của Trần-huy-Liệu do hội Văn-hóa cứu-quốc Việt-nam xuất-bản.

Sách này là cố sự trong thời Pháp Nhật-thuộc và là một tài liệu rất phong phú cho những ai muốn viết cách mệnh sử Việt-Nam.

Bắc-sơn.— Kịch của Nguyễn-huy-Tưởng do Văn Hóa cứu quốc xuất bản, đã được diễn nhiều lần và được các báo hoan nghênh. Kịch Bắc sơn đã vẽ lại sự tranh đấu của đồng bào trong thời Pháp Nhật-thuộc.

Bản chí xin trân trọng cảm tạ nhà xuất bản và tác giả, cùng xin giới thiệu với độc giả.

Chiều chiều lại nhớ chiều chiều,

Nhớ coi « Vì Nước » tin nhiều mà nhanh

Ta về ta tắm ao ta,

Dù trong dù đục ao nhà còn hơn.

Nhiều điều phủ lấy giá gương

Người trong một nước, xin thương nhau cùng

Kìa « Nội-Hóa » bảo nhau dùng.

Dân giàu, nước mạnh, ta cùng yên vui

Giá báo

1 năm	*120 đồng*
6 tháng	*65 —*
3 —	*35 —*
1 số	*3 —*

Mua báo xin trả tiền trước.
Thư từ, ngân phiếu bài vở xin gửi đến
Ông NGUYỄN-TƯỜNG PHƯỢNG
95, phố Bùi-quang-Trinh — HÀ-NỘI

Ai đã có dịp thăm
Ai chưa có dịp thăm **Nam-bộ**

Xin tìm đọc tập TRI TÂN ĐẶC SAN

Nam-bộ đất Việt-Nam

của LONG-ĐIỀN

Sẽ rõ thêm lịch sử, cội rễ, khai thác, tình tình, phong tục, nhân vật và tinh thần tranh đấu 86 năm trải qua hồi Pháp Nhật đô hộ của anh chị em đồng bào ở Nam-bộ.

Khảm truyền thần

"MỸ-CHƯƠNG"

Nguyễn văn Phú

Một nhà kỹ nghệ chuyên môn khảm truyền thần, nhỏ từ hình mặt nhẫn gây chuyền lập lắc, nhớn đến ảnh để chơi kỷ niệm, để thờ.

Nền gỗ, nền đồng, nền đá

rất giống, rất đẹp, rất bền. Và các đồ khảm mỹ-thuật trang hoàng trong nhà, thật là nghệ thuật kỹ-xảo không nước nào làm được.

CÓ BÀY TẠI { *16 phố Bà Triệu, Hà Nội*
51 đại lộ Hồ chí Minh, Hải phòng

Nhà in riêng TRI TÂN — Quản-lý: NGUYỄN-TƯỜNG-PHƯỢNG